TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2019/QĐST-HNGĐ	*TH, ngày 14 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào điều 212, điều 213 và khoản 4 điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu:

1. Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1966.
2. Chị **Vũ Thanh D**, sinh năm 1969.

Đều có đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Tiểu Hoàng, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TH, tỉnh Thái Bình ngày 01/02/1989, tại thời điểm kết hôn, anh B và chị D đủ điều kiện kết hôn, đó là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh B, chị D xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh B và chị D đã nhiều lần tìm cách hòa giải mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay anh B và chị D sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, cả anh B và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh B và

chị D là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D có hai con chung là Phạm Quang Ph, sinh ngày 30/5/1995 và Phạm Yến N, sinh ngày 22/6/1990. Hai con chung đều đã trưởng thành nên anh B và chị D không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng, anh B và chị D không có nợ chung.

[4] Về lệ phí: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D chấp nhận nộp lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình lập Biên bản hòa giải, đối thoại thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết về việc nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thanh D mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn. Chuyển số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh B đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008959 ngày 07/3/2019 và chuyển số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008960 ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Thái Bình thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH
- UBND xã TS;
- Phòng KT Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đồng Ngọc Huyền